TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-5-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Yên

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Đạt Thông
2. Ông Dương Thanh Hùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Quãng Thanh Trung, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Kim Mau - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án thụ lý số 112/2023/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Sơn Ngọc Chanh Đ, sinh năm 1987, có mặt.
Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Chị Kim Thị Mỹ L, sinh năm 1990, có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Ấp X, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/12/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Sơn Ngọc Chanh Đ trình bày:

Vào năm 2013, anh và vợ tên Kim Thị Mỹ L do quen biết đã tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện T năm 2013. Sau khi cưới nhau vợ chồng sinh sống tại ấp X, xã Đ. Sau đó vợ chồng đi làm thuê ở Bình Dương một thời gian rồi về nhà ở chung với cha mẹ vợ của anh tại xã Đ.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Sơn Thị Kim N, sinh ngày 31/10/2014. Thời gian đầu cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong công việc, thường xuyên cãi vã nhau. Vì vậy vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có qua lại, chủ yếu gọi điện thoại hỏi thăm con, không có bàn tính chuyện cùng nhau đoàn tụ. Nay tự nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- *Về hôn nhân*: Anh yêu cầu được ly hôn với chị Kim Thị Mỹ L.

- *Về nuôi con chung*: Có 01 con chung tên Sơn Thị Kim N, sinh ngày 31/10/2014 hiện đang sống chung với chị L, anh Đ tự nguyện để chị L được tiếp tục nuôi con chung sau khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 12/4/2023, bị đơn chị Kim Thị Mỹ L trình bày:

Vào năm 2013, chị và chồng tên Sơn Ngọc Chanh Đ do quen biết đã tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã H, huyện T năm 2013. Sau khi cưới nhau vợ chồng sinh sống tại ấp X, xã Đ. Sau đó vợ chồng đi làm thuê ở Bình Dương một thời gian rồi về nhà ở chung với cha mẹ ruột chị tại xã Đ. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Sơn Thị Kim N, sinh ngày 31/10/2014. Thời gian đầu cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, anh Đa thường hay ghen tuông vô cớ. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có qua lại, hỏi thăm để cùng nhau đoàn tụ. Nay tự nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa nên chị có ý kiến như sau:

- *Về hôn nhân*: Chị đồng ý ly hôn với anh Sơn Ngọc Chanh Đ.

- *Về nuôi con chung*: Có 01 con chung tên Sơn Thị Kim N, sinh ngày 31/10/2014 hiện đang sống chung với chị; chị đồng ý được tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Chị L vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự đề ngày 12/4/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, em Sơn Thị Kim N trình bày:

Em là con của cha tên Sơn Ngọc Chanh Đ và mẹ tên Kim Thị Mỹ L. Năm nay em 09 tuổi, em đang học lớp 03, em đang sống với mẹ. Cha mẹ ly hôn em không có ý kiến, nếu cha mẹ ly hôn em có nguyện vọng sống chung với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn anh Sơn Ngọc Chanh Đ giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu giải quyết về hôn nhân, nuôi con, tài sản và nợ chung.

- Bị đơn chị Kim Thị Mỹ L có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung đơn chị L giữ nguyên trình bày và yêu cầu giải quyết về hôn nhân, nuôi con, tài sản và nợ chung.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thủ tục tố tụng*: Thủ tục thụ lý hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt cho các đương sự đầy đủ đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Sơn Ngọc Chanh Đ được ly hôn với chị Kim Thị Mỹ L; về con chung tên Sơn Thị Kim N, sinh ngày 31/10/2014 giao cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

- *Về án phí:* Buộc anh Sơn Ngọc Chanh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các tình tiết, sự kiện đương sự đã thống nhất:

- *Về hôn nhân*: Anh Sơn Ngọc Chanh Đ và chị Kim Thị Mỹ L thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Có 01 con chung Sơn Thị Kim N, sinh ngày 31/10/2014 hiện đang sống chung với chị L; anh Đ và chị L thỏa thuận, chị L được tiếp tục nuôi con chung sau khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung*: Các đương sự không có tranh chấp.

Các tình tiết, sự kiện đương sự không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra

tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Anh Đ khởi kiện chị L yêu cầu ly hôn và giải quyết về con, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng, tài sản và nợ chung. Chị L không có yêu cầu phản tố nào khác. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn chị L có địa chỉ cư trú tại ấp X, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đ có mặt; bị đơn chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Sơn Ngọc Chanh Đ:

[3.1] Về hôn nhân: Anh Đ và chị L xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh năm 2013. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh Đ và chị L đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ vào các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của anh Đ và chị L là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, anh Đ khai nhận: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong công việc, thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có qua lại, chủ yếu gọi điện thoại hỏi thăm con, không có bàn tính chuyện cùng nhau đoàn tụ. Chị L khai nhận: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, anh Đ thường hay ghen tuông vô cớ. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có qua lại, hỏi thăm để cùng nhau đoàn tụ.

Xét thấy gia đình là tế bào xã hội, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc và bền vững. Quá trình chung sống giữa anh Đ và chị L chưa thống nhất với nhau về quan điểm sống, về ứng xử giao tiếp; đáng lẽ khi mâu thuẫn xảy ra anh chị phải ngồi lại tìm phương án để giải quyết mọi vấn đề bất đồng phát sinh nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình, nhưng khi xảy ra mâu thuẫn anh chị bỏ mặt không quan tâm đến hạnh phúc mà anh chị đã xây dựng nhiều năm qua, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn lại với nhau, tuy nhiên chị L đều vắng mặt, anh Đ kiên quyết xin ly hôn.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh Đ và chị L ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các

Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu xin ly hôn của anh Đ là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Anh Đ và chị L chung sống với nhau có 01 con chung tên Sơn Thị Kim N, sinh ngày 31/10/2014. Xét từ khi vợ chồng ly thân đến nay, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và đảm bảo phát triển tốt về mọi mặt của con, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con, cháu N cũng có nguyện vọng được sống chung với chị L. Tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định *"...Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con..."*. Do đó Hội đồng xét xử giao quyền trực tiếp nuôi con cho chị L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

[3.4] Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Đ phải nộp án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Sơn Ngọc Chanh Đ được ly hôn với chị Kim Thị Mỹ L.

2. Về con chung: Chị Kim Thị Mỹ L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Sơn Thị Kim N, sinh ngày 31/10/2014 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong quá trình chăm sóc và nuôi dưỡng, anh Đ và chị L được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

4. Về án phí: Buộc anh Sơn Ngọc Chanh Đ phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng anh Đ đã nộp theo biên lai số 0012469 ngày 27 tháng 12 năm 2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải thu.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Yên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.